

KẾ HOẠCH
Thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục
Năm học 2024-2025

Căn cứ Công văn số 2976 ngày 17/9/2024 của Sở Giáo dục & Đào tạo Quảng; Công văn số 989/PGDDĐT ngày 18/9/2024 của Phòng GDĐT thị xã Quảng Yên, về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2024 - 2025; Căn cứ kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 của trường THCS Hiệp Hòa; Căn cứ tình hình thực tế của đơn vị, trường THCS Hiệp Hòa xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024 - 2025 với các nội dung cụ thể như sau:

I. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Tiếp tục triển khai mở rộng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối với các cơ sở dữ liệu của tỉnh, quốc gia nhằm nâng cao tiện ích và hiệu quả cho công tác quản lý giáo dục; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và bộ phận một cửa, một cửa liên thông, liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; triển khai học bạ số, xây dựng cơ sở dữ liệu văn bằng, chứng chỉ hướng đến văn bằng số, chứng chỉ số.

2. Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, quản trị, dạy, học và giáo dục trẻ em, kiểm tra, đánh giá trong giáo dục; tiếp tục xây dựng hạ tầng số về học tập, kho học liệu số chia sẻ dùng chung, gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động dạy, học và quản lý giáo dục đi cùng với phát triển các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường học tập số; nâng cao năng lực số cho người học và đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

3. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục, tập trung vào 3 “trụ cột”: Chuyển đổi số trong các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá; Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục và quản lý nhà trường; Phát triển nguồn nhân lực số, chuyển đổi nhận thức; kỹ năng khai thác ứng dụng công nghệ số đáp ứng đổi mới căn bản toàn diện trong quản lý, quản trị giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Chuyển đổi số trong dạy, học và đánh giá.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, trong đó lưu ý triển khai một số nội dung như sau:

a) Tổ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025 tham mưu cho lãnh đạo nhà trường lựa chọn/duy trì sử dụng một nền tảng phần mềm quản lý học tập (OLM) phù hợp, phát huy tối đa lợi ích của OLM đã chọn trong kết nối giữa nhà trường, giáo viên với học sinh (và phụ huynh) và tổ chức các hoạt động giáo dục; đảm bảo tích hợp, kết nối, trao đổi dữ liệu giữa các phần mềm dạy học trực tuyến với phần mềm quản trị trong nhà trường.

b) Tăng cường xây dựng học liệu số (bao gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học):

- + Phân đầu 10% các bài giảng chương trình chính khóa là bài giảng điện tử.

- + Tăng cường kho học liệu số bằng phát triển tài nguyên số trong thư viện kết hợp với việc khai thác các nguồn khác.

- + Khuyến khích giáo viên tích cực đóng góp các phần mềm mô phỏng, học liệu điện tử mã nguồn mở hoặc miễn phí.

- + Các tổ/nhóm chuyên môn nghiên cứu xây dựng kho câu hỏi trắc nghiệm phục vụ học tập, kiểm tra đảm bảo bổ sung tối thiểu 300 câu hỏi/năm học/môn.

- Đóng góp học liệu video bài giảng theo hướng dẫn của Sở tại Công văn số 2443/SGDDT-GDPT ngày 31/8/2021, khai thác sử dụng hiệu quả kho học liệu dùng chung của Sở và của Bộ trong tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá.

- Xây dựng phương án lưu trữ, phân loại, quản lý học liệu số phục vụ công tác giáo dục của đơn vị và báo cáo cấp quản lý.

- Tổ chức dạy học trực tuyến kết hợp với trực tiếp (Blended Learning, Hybrid Learning) và lớp học đảo ngược (Flipped Classroom), hình thành phương pháp dạy và học hiện đại phù hợp với xu hướng mới, học sinh tham gia chủ động và chịu trách nhiệm với quá trình hình thành, củng cố và mở rộng kiến thức từ hoạt động tự học trực tuyến (elearning).

c) Tăng mạnh đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến, sử dụng các phần mềm hỗ trợ như quizizz, kahoot,...

d) Tăng cường tổ chức bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ giáo viên; ưu tiên bồi dưỡng các nội dung gắn với thực tế công việc như: ứng dụng các

phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến. đ) Rà soát và đề xuất đầu tư mới, mua sắm bổ sung máy tính dạy môn tin học tối thiểu đáp ứng mức độ cơ bản (đối với môn Tin học, mỗi học sinh được học trên 01 máy tính). Chú trọng khai thác phòng máy tính cho các hoạt động chuyên môn của nhà trường và các môn học khác ngoài môn Tin học.

e) Đổi mới, đồng bộ phương pháp dạy học và phương thức thi, kiểm tra đánh giá người học; dạy học phân hóa theo năng lực nhận thức của học sinh trên cơ sở chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông; tiếp tục bồi dưỡng năng lực khai thác và sử dụng thiết bị cho cán bộ, giáo viên.

g) Triển khai hiệu quả hệ thống thư viện điện tử bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu số hóa sách và tài nguyên phục vụ dạy học, kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

2. Chuyển đổi số trong quản trị nhà trường và xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục

a) Nhà trường triển khai nền tảng quản trị dựa trên dữ liệu và công nghệ số, tối thiểu triển khai các phân hệ: quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập), quản lý đội ngũ cán bộ, giáo viên đảm bảo kết nối thông suốt trong hệ thống quản lý trường học trực tuyến của tỉnh và cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục; đồng thời triển khai các phân hệ trong hệ thống quản lý trường học trực tuyến đã được xây dựng: quản lý cơ sở vật chất, quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh và duy trì hệ thống quản lý kế toán đang thực hiện.

b) Triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, tiếp tục triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, thực hiện ký số trên hồ sơ của đơn vị (sổ điểm, học bạ điện tử,...); triển khai chữ ký số cho giáo viên; triển khai ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với nhà trường trên nền tảng số. Tăng cường áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động (zalo, viber, facebook...).

c) Triệt để khai thác dữ liệu số trên phần mềm quản lý nhà trường trực tuyến và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục để phục vụ công tác quản trị, quản lý chuyên môn, quản lý chất lượng giáo dục và lập kế hoạch. Hàng tháng, nhà trường theo dõi số liệu và quản trị đảm bảo kết quả và mục tiêu giáo dục đã xây dựng.

d) Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu theo Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung triển khai một số nhiệm vụ như sau:

- Tổ chức cập nhật dữ liệu trên các hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của Sở GDĐT và Bộ GDĐT; hoàn thiện dứt điểm việc cập nhật đầy đủ số định danh cá nhân của giáo viên và học sinh; cập nhật đầy đủ kết quả học tập của học sinh trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục theo từng kỳ học; đặc biệt, hoàn thiện đầy đủ thông tin của học sinh lớp 9 phục vụ kỳ thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với giáo dục phổ thông lên cấp trên đúng quy định (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ chính xác và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cấp quản lý.

3. Tiếp tục triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục, trong đó ưu tiên một số dịch vụ sau:

a) Dịch vụ công nhận văn bằng, chứng chỉ, hướng tới triển khai ở mức độ toàn trình.

b) Thanh toán học phí, các khoản thu bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt; kết nối phần mềm quản lý tài chính của nhà trường với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN

1. Kiện toàn tổ chức, bộ phận phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục

- Thành lập tổ công tác thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục; Phân công lãnh đạo phụ trách và giáo viên Tin học làm đầu mối triển khai.

2. Triển khai hiệu quả việc tự đánh giá và đánh giá ngoài mức độ chuyên đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên theo kế hoạch và hướng dẫn của Sở GDĐT.

3. Tăng cường rà soát và hoàn thiện quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu theo quy định (giao trách nhiệm các bộ phận chuyên môn rà soát, đối chiếu và chuẩn hóa đảm bảo tính chính xác của dữ liệu thành phần của từng cấp học trên cơ sở dữ liệu ngành); đảm bảo tuân thủ các quy định của nhà nước về thông tin cá nhân, quy định về sở hữu dữ liệu; thường xuyên phổ biến, quán triệt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục.

4. Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số giáo dục

a) Định kỳ hàng tháng, quý, học kỳ, năm học rà soát và có kế hoạch đề nghị mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục; đảm bảo kết nối cáp quang Internet, dịch vụ Internet không dây trong nhà trường.

b) Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống công nghệ thông tin; thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin, cập nhật thường xuyên các cảnh báo lỗi bảo mật của các nhà cung

cấp dịch vụ, phần mềm; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục.

5. Thường xuyên quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh về tầm quan trọng của dữ liệu số, tính cấp thiết của quá trình thực hiện chuyển đổi số trong thúc đẩy hoạt động và nâng cao chất lượng giáo dục; đẩy mạnh công tác về vai trò và kết quả của ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục; phổ biến và tuyên truyền tới cán bộ, giáo viên và học sinh về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn; trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; triển khai các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia vào ngày 10 tháng 10 hàng năm.

6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê trong giáo dục.

Định kỳ hằng tháng, nhà trường rà soát và báo cáo nhanh số liệu theo các mục tiêu chuyển đổi số.

IV, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban giám hiệu

- Căn cứ các văn bản hướng dẫn của cấp trên để triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025.

- Ra quyết định kiện toàn tổ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025.

- Xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025.

- Xây dựng các phương án quản lý đảm bảo cơ sở hạ tầng CNTT cho hoạt động CNTT, CDS và thống kê giáo dục trong nhà trường.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kì các nội dung trong kế hoạch để có biện pháp khắc phục hạn chế, yếu kém (nếu có) và đề xuất các biện pháp cải tiến.

- Tổ chức sơ kết đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số sau khi kết thúc học kỳ I năm học 2024-2025 và gửi Phòng GDĐT.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng kết triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025; lập báo cáo đánh giá và tự chấm điểm tiêu chí thi đua năm học và gửi Phòng GDĐT.

2. Các tổ chuyên môn

- Chỉ đạo tổ/nhóm chuyên môn rà soát kế hoạch chuyên môn của tổ/nhóm đảm bảo khai thác tối đa các tài nguyên CNTT phục vụ cho việc đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Yêu cầu mỗi môn học đảm bảo tối thiểu 10% bài giảng chính khóa là bài giảng điện tử.

- Xây dựng kho học liệu số (bài giảng điện tử, SGK điện tử, thí nghiệm ảo...) của từng môn học và quản lý chung trong cả trường.

- Xây dựng kho câu hỏi trắc nghiệm phục vụ học tập, kiểm tra đảm bảo bổ sung tối thiểu 300 câu hỏi/năm học/môn.

- Khuyến khích, động viên giáo viên tích cực sử dụng các phần mềm tiên tiến trong dạy học và kiểm tra đánh giá.

- Tổ chức tập huấn theo nhóm môn hoặc theo môn với các chuyên đề về ứng dụng CNTT, CDS trong giáo dục nhằm tăng cường năng lực các nhân trong khai thác các công nghệ hiện đại trong giảng dạy.

- Đề xuất khen thưởng, kỉ luật đối với các cá nhân, tập thể trong thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục trong nhà trường.

3. Công đoàn, đoàn thanh niên

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với bộ phận chuyên môn và các tổ chuyên môn làm tốt công tác tuyên truyền, vận động giáo viên, học sinh hiểu rõ tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT, CDS vào công tác giảng dạy.

- Hỗ trợ giáo viên, học sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thống kê giáo dục năm học 2024-2025 của nhà trường, yêu cầu toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nghiên cứu, thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu khó khăn, vướng mắc cần báo cáo kịp thời về BGH, để có biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- BGH, tổ CM;
- CD, ĐTN;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thúy Quỳnh

PHỤ LỤC 1

BẢNG KÊ KẾ HOẠCH THEO TỪNG THÁNG

(Kèm theo Kế hoạch số 222/KH-THCSQT ngày 08/10/2024
của Hiệu trưởng trường THCS Hiệp Hòa)

Tháng	Nội dung triển khai	Người phụ trách/thực hiện
08	- Bảo trì hệ thống CNTT, TBDH (toàn bộ). Rà soát lại hệ thống máy tính, các thiết bị văn phòng, TBDH.	NVTB
	- Làm vệ sinh phòng máy tính, đưa các thiết bị vào hoạt động. Sửa chữa máy đã hỏng.	Bộ phận QL CSVC, NVTB
	- Bàn giao máy tính, TBDH cho các bộ phận phụ trách quản lí, khai thác, sử dụng.	Bộ phận QL CSVC
09	- Thành lập tổ CNTT, CDS và thống kê giáo dục; phân công nhiệm vụ cán bộ đầu mối.	- BGH
	- Xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục nhà trường năm học 2024-2025.	BGH
	- Duy trì kết nối Internet cho phòng máy tính và các phòng chức năng.	- Quản trị mạng
	- Các tổ, nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch môn học, trong đó có kế hoạch ứng dụng CNTT, CDS, sử dụng TBDH.	- TTCM, GVBM
	- Triển khai tập huấn phần mềm quản lý trường học trực tuyến (http://qlth.quangninh.edu.vn);	- Phụ trách CNTT
	- Hoàn thành dữ liệu EPMIS, quản lý trường học trực tuyến đầu năm học.	- Quản trị phần mềm
	- Thông báo các thông tin có liên quan đến HS cho CMHS qua hệ thống phần mềm quản lý trường học trực tuyến.	- Quản trị phần mềm
	- Duy trì hoạt động của fanpage nhà trường	- Quản trị trang web
10	- Chuẩn bị tài nguyên để quản lí kho học liệu số, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm năm học 2024-2025	- Tổ CM
	- Cập nhật thông tin học sinh, điểm kiểm tra thường xuyên trên trang quản lý trường học trực tuyến theo quy định.	- Quản trị , GVBM, GVCN
	- Triển khai tập huấn khai thác, sử dụng các phần mềm dạy học trực tuyến	- TTCM, VP
	- Các tổ, nhóm chuyên môn triển khai sử dụng TBDH theo kế hoạch.	-TTCM
	- Triển khai rà soát lập hòm thư điện tử cho giáo viên.	-Tổ CNTT

	- Thông báo điểm và các thông tin có liên quan đến HS cho CMHS qua hệ thống phần mềm quản lý trường học trực tuyến.	-Quản trị phần mềm
11	- Duy trì hoạt động của fanpage nhà trường; Nhập các dữ liệu vào fanpage nhà trường.	-Quản trị mạng
	- Cập nhật các dữ liệu trong phần mềm EPMIS, phần mềm quản lý tài sản	-Kế toán
	- Phát động, hướng dẫn giáo viên xây dựng bài giảng e-learning.	-BGH, TTCM
	- Các tổ, nhóm chuyên môn triển khai ứng dụng CNTT, CDS, sử dụng TBDH theo kế hoạch.	-TTCM
	- Cập nhật thông tin học sinh, điểm kiểm tra thường xuyên trên trang quản lý trường học trực tuyến theo quy định.	-Quản trị phần mềm, GVCN
	- Thông báo điểm và các thông tin có liên quan đến HS cho CMHS qua hệ thống phần mềm quản lý trường học trực tuyến	-Quản trị phần mềm, GVCN
	- Tập huấn sử dụng, khai thác các thiết bị của phòng học thông minh.	-CB, GV, NV nhà trường
12	- Hoàn thành dữ liệu quản lý điểm kì I - Duy trì quản trị fanpage nhà trường	-BGH, Quản trị mạng
	- Các tổ, nhóm chuyên môn triển khai ứng dụng CNTT, CDS, sử dụng TBDH theo kế hoạch.	-TTCM
	- Thông báo điểm và các thông tin có liên quan đến HS cho CMHS qua hệ thống phần mềm quản lý trường học trực tuyến.	-Quản trị phần mềm, GVCN
	- Kiểm tra việc sử dụng, khai thác các phần mềm dạy học trực tuyến; kết quả khai thác thư viện điện tử	-BGH, Tổ CNTT
01	- Duy trì quản trị fanpage nhà trường	-BGH
	- Cập nhật thông tin học sinh, điểm kiểm tra thường xuyên trên trang quản lý trường học trực tuyến theo quy định.	-Quản trị mạng, GVBM
	- Sơ kết kế hoạch triển khai nhiệm vụ CNTT học kỳ I.	-BGH, TTCM, GVBM
	- Các tổ, nhóm chuyên môn triển khai sử dụng TBDH theo kế hoạch. Kiểm tra việc xây dựng kho học liệu số.	-TTCM, GVBM
	- Các tổ, nhóm chuyên môn kiểm tra việc triển khai dạy học sử dụng thiết bị dạy học tối thiểu ở các nhóm môn.	-TTCM, GVBM
	- Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục sau khi kết thúc Học kỳ 1; báo cáo Phòng Giáo dục và	-BGH

	Đào tạo kết quả thực hiện.	
02	- Duy trì quản trị fanpage nhà trường	-BGH
	- Thông báo điểm và các thông tin có liên quan đến HS cho CMHS qua hệ thống phần mềm quản lý trường học trực tuyến.	- Quản trị mạng, GVCN
	- Cập nhật thông tin học sinh, điểm kiểm tra thường xuyên trên trang quản lý trường học trực tuyến theo quy định.	-Quản trị phần mềm, GVBM
	- Các tổ, nhóm chuyên môn triển khai sử dụng TBDH theo kế hoạch.	-TTCM, GVBM
	- Các tổ, nhóm chuyên môn tổ chức rút kinh nghiệm, tiếp tục triển khai xây dựng bài giảng e-learning, học liệu số và dạy học ứng dụng thiết bị dạy học thông minh (đảm bảo tối thiểu 20%).	-BGH, TTCM, GVBM
	- Triển khai nghiên cứu sử dụng chữ kí số đã được cấp	- Phụ trách CNTT
03	- Duy trì quản trị fanpage nhà trường	-BGH
	- Kiểm tra, đánh giá kết quả xây dựng kho học liệu số.	-BGH, TTCM, Quản trị mạng, GVBM
	- Các tổ, nhóm chuyên môn triển khai sử dụng TBDH theo kế hoạch.	-TTCM, GVBM
	- Cập nhật thông tin học sinh, điểm kiểm tra thường xuyên trên trang quản lý trường học trực tuyến theo quy định.	- Quản trị mạng, GVBM
	- Thông báo điểm và các thông tin có liên quan đến HS cho CMHS qua hệ thống phần mềm quản lý trường học trực tuyến.	- Quản trị mạng, GVCN
04	- Duy trì quản trị fanpage nhà trường	-BGH
	- Kiểm tra việc thực hiện sử dụng các phần mềm đã được trang bị của giáo viên.	- Phụ trách CNTT
	- Các tổ, nhóm chuyên môn triển khai sử dụng TBDH theo kế hoạch.	-TTCM, GVBM
	- Cập nhật thông tin học sinh, điểm kiểm tra thường xuyên trên trang quản lý trường học trực tuyến theo quy định.	-Quản trị mạng, GVBM
	- Thông báo điểm và các thông tin có liên quan đến HS cho CMHS qua hệ thống phần mềm quản lý trường học trực tuyến	-Quản trị mạng, GVCN
05	- Duy trì quản trị fanpage nhà trường; Hoàn thành dữ liệu EPMIS, dữ liệu sổ tài sản, quản lý trường học trực tuyến cuối năm học.	- BGH, kế toán, quản trị mạng
	- Các tổ, nhóm chuyên môn triển khai sử dụng TBDH theo kế hoạch.	- TTCM, GVBM

	- Tổng kết rút kinh nghiệm việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2024-2025; Tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường.	-BGH, GV
	- Kiểm tra, đánh giá, kiểm kê các thiết bị công nghệ thông tin, TBDH.	-NVTB, TTCM, GV phụ trách phòng Tin học
	- Hoàn thành dữ liệu quản lý điểm cả năm; Thông báo điểm và các thông tin có liên quan đến HS cho CMHS qua hệ thống phần mềm quản lý trường học trực tuyến.	-Quản trị mạng, GVBM, GVCN

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC VĂN BẢN VỀ TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025

I. VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, BỘ GDĐT

Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030. Trong đó Chính phủ giao Bộ GDĐT rà soát, làm rõ nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục; đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực GDĐT;

Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trong đó GDĐT là 1/8 lĩnh vực ưu tiên, Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, ngành nói chung và Bộ GDĐT nói riêng xây dựng kế hoạch chuyển đổi số;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025", trong đó có định hướng đến năm 2025, tiếp tục phát huy kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai;

Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030";

Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 quy định về sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục;

Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 quy định về Điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục;

Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Hệ thống chỉ tiêu thông kê ngành giáo dục;

Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục;

Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 Quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 Quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

Văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng CNTT trong trường phổ thông;

Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Chỉ thị số 733/CT-BGDĐT ngày 10/05/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục.

II. VĂN BẢN CỦA TỈNH

1. Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

2. Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 01/03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

3. Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

4. Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 25/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022 - 2025;

5. Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 08/06/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

6. Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 18/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022 - 2025 và kế hoạch triển khai năm 2022;

7. Kế hoạch số 34/KH-UBND, ngày 16/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

8. Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 29/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

9. Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Truyền thông về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 – 2025.

III. VĂN BẢN CỦA SỞ GDĐT

1. Kế hoạch số 496/KH-SGDĐT ngày 22/02/2022 về chuyển đổi số ngành Giáo dục đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

2. Kế hoạch số 1027/KH-SGDĐT ngày 05/5/2023 kế hoạch chuyển đổi số ngành giáo dục năm 2023.

3. Kế hoạch số 3265/KH-SGDĐT ngày 11/12/2023 kế hoạch tăng cường ứng dụng CNTT và thúc đẩy CDS Ngành giáo dục giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.

4. Kế hoạch số 842/KH-SGDĐT ngày 19/3/2024 về việc thực hiện chuyển đổi số ngành giáo dục năm 2024.

5. Công văn số 2976/SGDĐT-GDPT ngày 17/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2024 - 2025;